

CHÍNH PHỦ
Số: 189-CP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 23 tháng 12 năm 1994

NGHỊ ĐỊNH

Hướng dẫn thi hành Luật Phá sản doanh nghiệp

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Căn cứ Luật Phá sản doanh nghiệp ngày 30 tháng 12 năm 1993;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tư pháp; Bộ trưởng Bộ Tài Chính; Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban kế hoạch Nhà nước;

NGHỊ ĐỊNH:

I- VỀ PHẠM VI ÁP DỤNG CỦA LUẬT PHÁ SẢN DOANH NGHIỆP

Điều 1

1- Các doanh nghiệp thuộc đối tượng áp dụng Luật Phá sản doanh nghiệp bao gồm:

- Doanh nghiệp Nhà nước;
- Doanh nghiệp của tổ chức chính trị xã hội;
- Doanh nghiệp tư nhân;
- Công ty trách nhiệm hữu hạn;
- Công ty cổ phần;
- Doanh nghiệp có một phần vốn đầu tư nước ngoài;
- Doanh nghiệp có 100% vốn đầu tư nước ngoài;
- Hợp tác xã;

2- Cá nhân, nhóm kinh doanh được thành lập và hoạt động theo Nghị định số 66-HĐBT ngày 2-3-1992 của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ) không thuộc phạm vi áp dụng của Luật Phá sản doanh nghiệp.

Điều 2

Việc giải quyết phá sản đối với các doanh nghiệp có một phần vốn đầu tư nước ngoài, doanh nghiệp 100% vốn đầu tư nước ngoài phải được thực hiện theo Luật Phá sản doanh nghiệp, Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam, Nghị định này và các văn bản pháp luật khác hướng dẫn cụ thể việc giải quyết phá sản phù hợp với đặc thù của các doanh nghiệp loại này, trừ trường hợp điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tham gia hoặc ký kết có quy định khác.

II- VỀ CĂN CỨ ĐỂ XEM XÉT DOANH NGHIỆP LÂM VÀO TÌNH TRẠNG PHÁ SẢN

Điều 3

1- Doanh nghiệp được coi là có dấu hiệu lâm vào tình trạng phá sản nói tại Điều 2 của Luật Phá sản doanh nghiệp, nếu kinh doanh bị thua lỗ trong hai năm liên tiếp đến mức không trả được các khoản nợ đến hạn, không trả đủ lương cho người lao động theo thoả ước lao động và hợp đồng lao động trong ba tháng liên tiếp.

2- Khi xuất hiện dấu hiệu lâm vào tình trạng phá sản như nói tại Khoản 1 Điều này, doanh nghiệp phải áp dụng các biện pháp tài chính cần thiết như sau để khắc phục tình trạng mất khả năng thanh toán nợ đến hạn:

- a) Có phương án tổ chức lại sản xuất kinh doanh, quản lý chặt chẽ các khoản chi phí, tìm kiếm thị trường tiêu thụ sản phẩm;
- b) Có biện pháp xử lý hàng hoá, sản phẩm, vật tư tồn đọng;
- c) Thu hồi các khoản nợ và tài sản bị chiếm dụng;
- d) Thương lượng với các chủ nợ để hoãn nợ, mua nợ, bảo lãnh nợ, giảm, xoá nợ;
- đ) Tìm kiếm các khoản tài trợ và các khoản vay để trang trải các khoản nợ đến hạn và đầu tư đổi mới công nghệ.

3- Sau khi đã áp dụng các biện pháp tài chính cần thiết nói tại Khoản 2 Điều này, mà vẫn gặp khó khăn, không khắc phục được tình trạng mất khả năng thanh toán nợ đến hạn thì doanh nghiệp đã lâm vào tình trạng phá sản và phải được xử lý theo quy định của Luật Phá sản doanh nghiệp, Nghị định này.

III- VỀ VIỆC THI HÀNH LUẬT PHÁ SẢN DOANH NGHIỆP ĐỐI VỚI

CÁC DOANH NGHIỆP TRỰC TIẾP PHỤC VỤ QUỐC PHÒNG, AN NINH VÀ DỊCH VỤ CÔNG CỘNG QUAN TRỌNG

Điều 4

1- Các doanh nghiệp được xem xét để công nhận là doanh nghiệp trực tiếp phục vụ quốc phòng, an ninh và dịch vụ công cộng quan trọng phải là những doanh nghiệp đang hoạt động trong các lĩnh vực, ngành sau đây:

- a) Sản xuất, sửa chữa vũ khí, khí tài, trang bị chuyên dùng cho quốc phòng, an ninh; các doanh nghiệp kết hợp kinh tế với quốc phòng tại các địa bàn chiến lược quan trọng;
- b) Kinh doanh tài chính, tiền tệ và kinh doanh bảo hiểm;
- c) Sản xuất, cung ứng điện;
- d) Giao thông công chính đô thị;
- đ) Vận tải đường sắt, vận tải hàng không;
- e) Thông tin viễn thông;
- g) Quản lý và khai thác các công trình thủy lợi;
- h) Quản lý và xây dựng các vùng rừng đặc dụng, rừng phòng hộ quốc gia trọng điểm.

2- Bộ trưởng Bộ quản lý ngành, sau khi có thoả thuận bằng văn bản của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban kế hoạch Nhà nước, Bộ trưởng Bộ Tài chính, lập và công bố danh mục các doanh nghiệp cụ thể nói tại Khoản 1 Điều này.

Điều 5

1- Trong trường hợp doanh nghiệp nói tại Điều 4 của Nghị định này lâm vào tình trạng mất khả năng thanh toán nợ đến hạn thì đại diện hợp pháp của doanh nghiệp phải báo cáo ngay bằng văn bản cho cơ quan đã ra quyết định thành lập doanh nghiệp. Báo cáo phải nêu rõ lý do, thực trạng tài chính và các biện pháp đã áp dụng để khắc phục tình trạng mất khả năng thanh toán nợ đến hạn.

2- Trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày nhận được báo cáo, Thủ tướng cơ quan đã ra quyết định thành lập doanh nghiệp phải xem xét, quyết định các biện pháp cần thiết nhằm phục hồi khả năng thanh toán nợ đến hạn của doanh nghiệp.

3- Trong trường hợp các biện pháp phục hồi khả năng thanh toán nợ đến hạn của doanh nghiệp vượt quá khả năng của mình thì Thủ trưởng cơ quan đã ra quyết định thành lập doanh nghiệp phải báo cáo để Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định các biện pháp hỗ trợ hay không hỗ trợ doanh nghiệp đó.

Điều 6

1- Tòa án chỉ ra quyết định mở thủ tục giải quyết yêu cầu tuyên bố phá sản đối với doanh nghiệp trực tiếp phục vụ quốc phòng, an ninh và dịch vụ công cộng quan trọng nói tại Điều 4 của Nghị định này sau khi đã nhận được văn bản của Thủ tướng Chính phủ hoặc của Thủ trưởng cơ quan Nhà nước đã ra quyết định thành lập doanh nghiệp về việc không áp dụng biện pháp cần thiết phục hồi khả năng thanh toán nợ đến hạn của doanh nghiệp đó.

2- Sau khi Tòa án đã thụ lý đơn yêu cầu tuyên bố phá sản thì thủ tục giải quyết phá sản đối với các doanh nghiệp trực tiếp phục vụ quốc phòng, an ninh và dịch vụ công cộng quan trọng được tiến hành theo quy định của Luật Phá sản doanh nghiệp, Nghị định này và các văn bản pháp quy khác liên quan đến việc giải quyết phá sản doanh nghiệp.

IV- VỀ ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA DOANH NGHIỆP

Điều 7

1- Đại diện hợp pháp của doanh nghiệp trong quá trình giải quyết yêu cầu tuyên bố phá sản bao gồm đại diện theo pháp luật hoặc đại diện theo uỷ quyền.

2- Đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp là:

a) Chủ tịch Hội đồng quản lý đối với doanh nghiệp Nhà nước, doanh nghiệp của các tổ chức chính trị, xã hội có Hội đồng quản lý; Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc đối với doanh nghiệp Nhà nước, doanh nghiệp của các tổ chức chính trị, xã hội không có Hội đồng quản lý;

b) Chủ tịch Hội đồng quản trị đối với công ty cổ phần, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, công ty trách nhiệm hữu hạn có 12 thành viên trở lên. Trong trường hợp công ty trách nhiệm hữu hạn không thành lập Hội đồng quản trị thì đại diện theo

pháp luật là người được phân công quản lý công ty và được ghi trong Điều lệ của công ty;

c) Chủ nhiệm hợp tác xã đối với các hợp tác xã.

3- Đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp nói tại Khoản 2 Điều này có thể uỷ quyền bằng văn bản cho thành viên Hội đồng quản lý, Hội đồng quản trị, Phó Giám đốc hoặc Phó Tổng Giám đốc, Phó Chủ nhiệm tham gia quá trình giải quyết việc phá sản doanh nghiệp. Giấy uỷ quyền phải xác định rõ phạm vi uỷ quyền cho người đại diện.

4- Chủ doanh nghiệp tư nhân, chủ doanh nghiệp có 100% vốn đầu tư nước ngoài, nơi không thành lập Hội đồng quản trị phải trực tiếp tham gia quá trình giải quyết việc phá sản doanh nghiệp; nếu có lý do chính đáng, thì có thể uỷ quyền bằng văn bản cho người khác tham gia quá trình giải quyết phá sản doanh nghiệp.

V- VỀ VIỆC THAM GIA CỦA CÔNG ĐOÀN TRONG VIỆC GIẢI QUYẾT PHÁ SẢN DOANH NGHIỆP

Điều 8

1- Đại diện công đoàn doanh nghiệp tham gia quá trình giải quyết phá sản doanh nghiệp là Chủ tịch Ban Chấp hành Công đoàn hoặc người được Chủ tịch Ban Chấp hành Công đoàn uỷ quyền bằng văn bản.

2- Đại diện công đoàn doanh nghiệp thực hiện các quyền và nghĩa vụ của chủ nợ trong quá trình tham gia giải quyết phá sản doanh nghiệp theo quy định của Luật Phá sản doanh nghiệp và Nghị định này.

Điều 9

Đại diện công đoàn nộp đơn yêu cầu giải quyết việc tuyên bố phá sản doanh nghiệp khi có đủ hai điều kiện sau đây:

1- Doanh nghiệp không trả đủ lương cho người lao động theo thoả ước lao động và hợp đồng lao động trong ba tháng liên tiếp;

2- Có nghị quyết của công đoàn yêu cầu giải quyết tuyên bố phá sản doanh nghiệp.

VI- VỀ HỒ SƠ YÊU CẦU GIẢI QUYẾT VIỆC TUYÊN BỐ PHÁ SẢN DOANH NGHIỆP